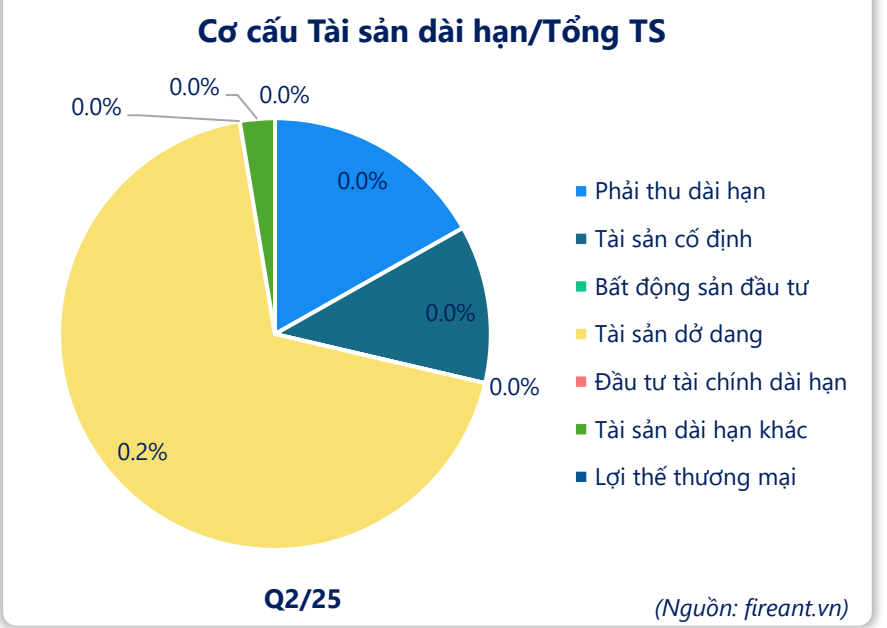
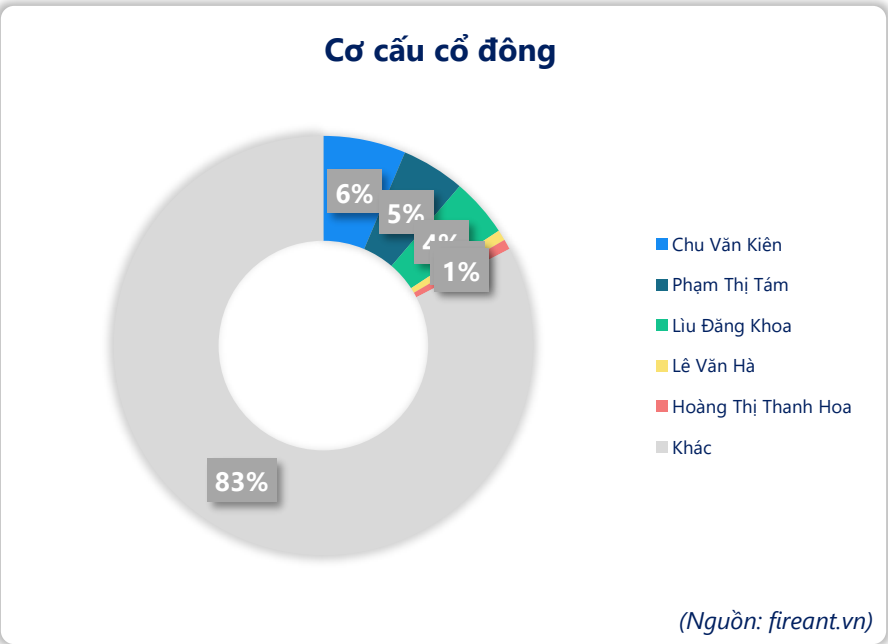
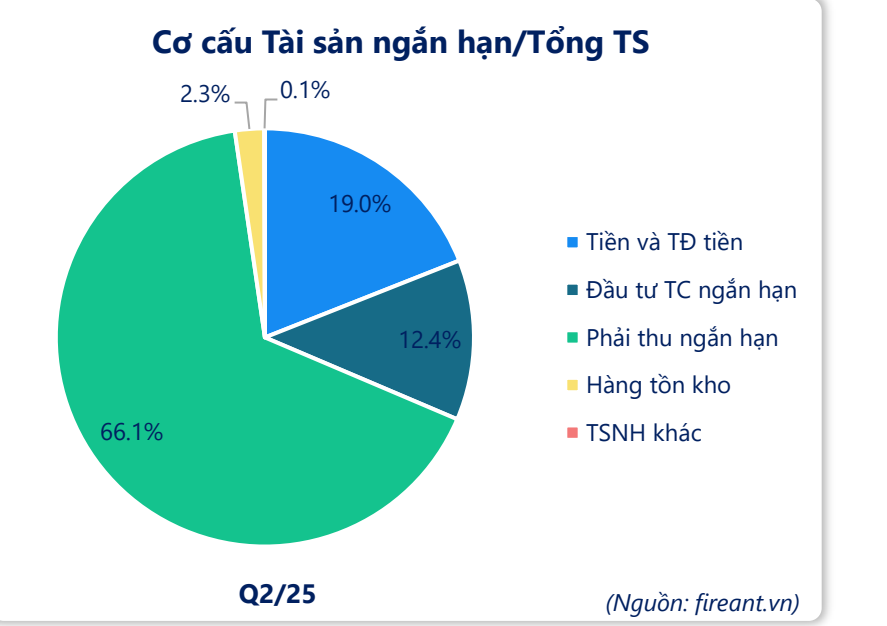
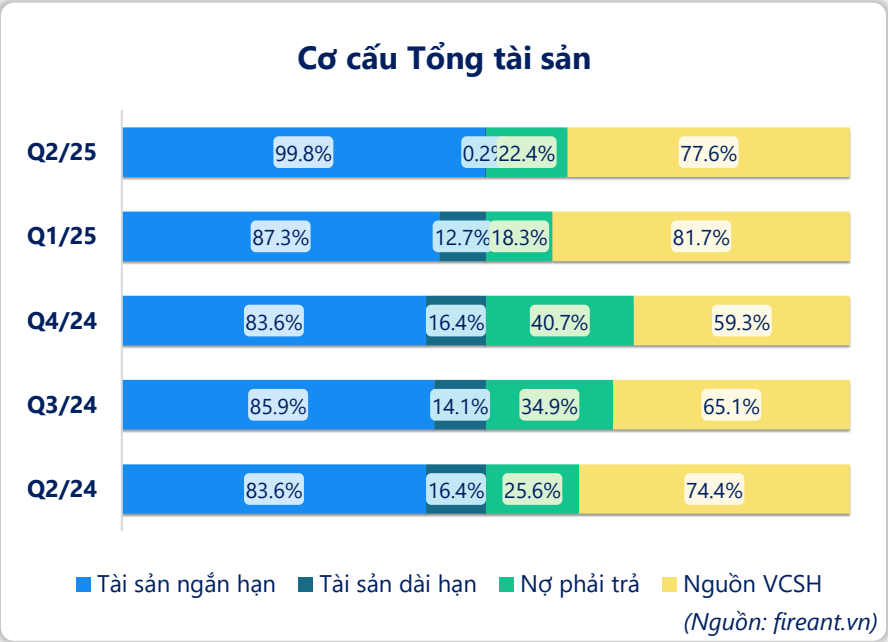
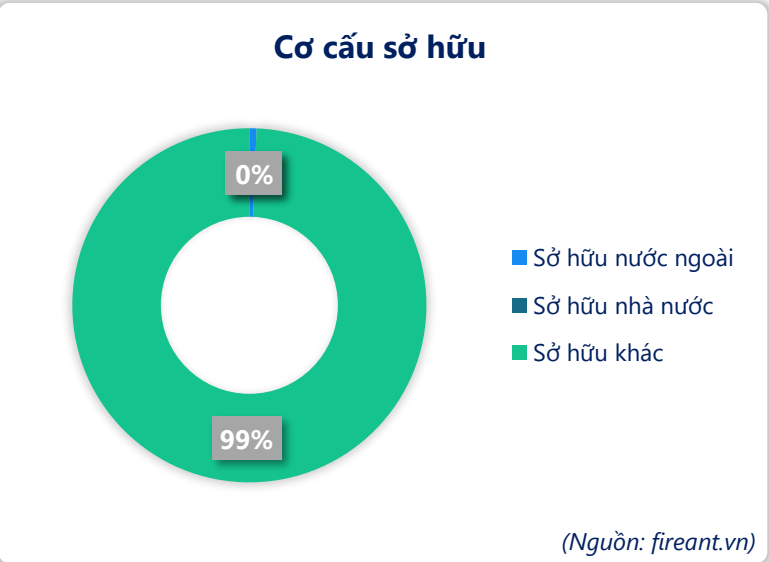
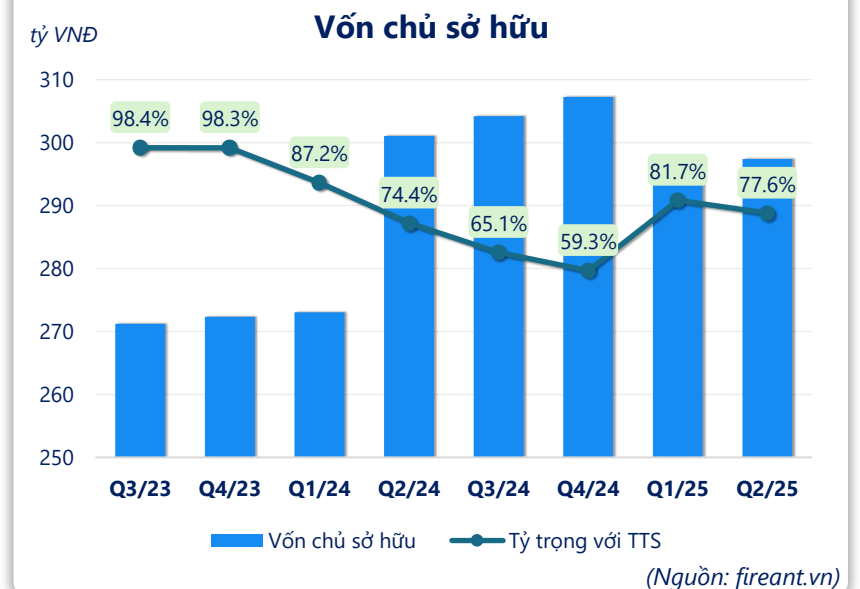
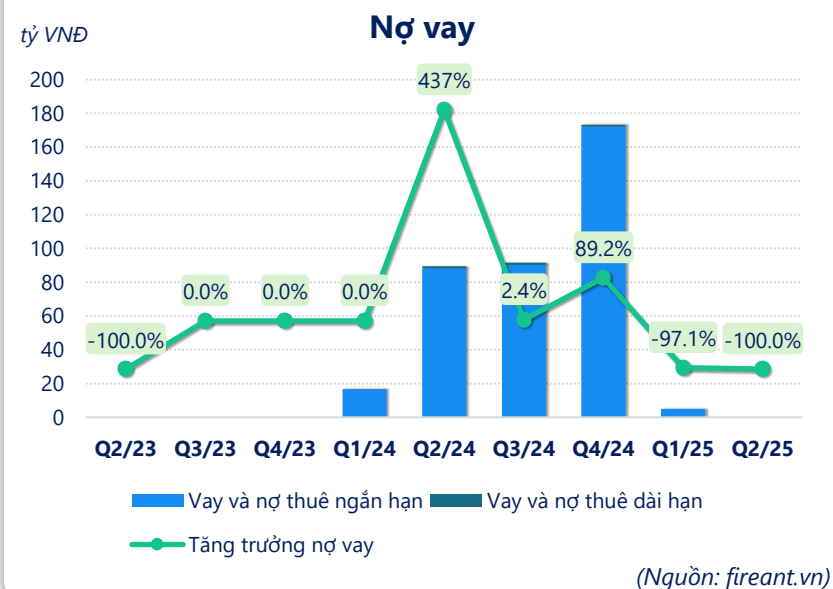
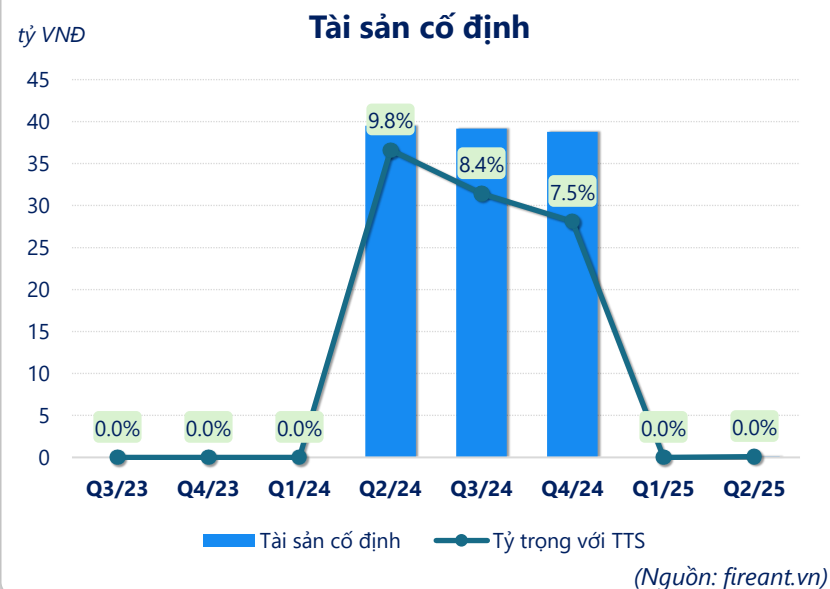
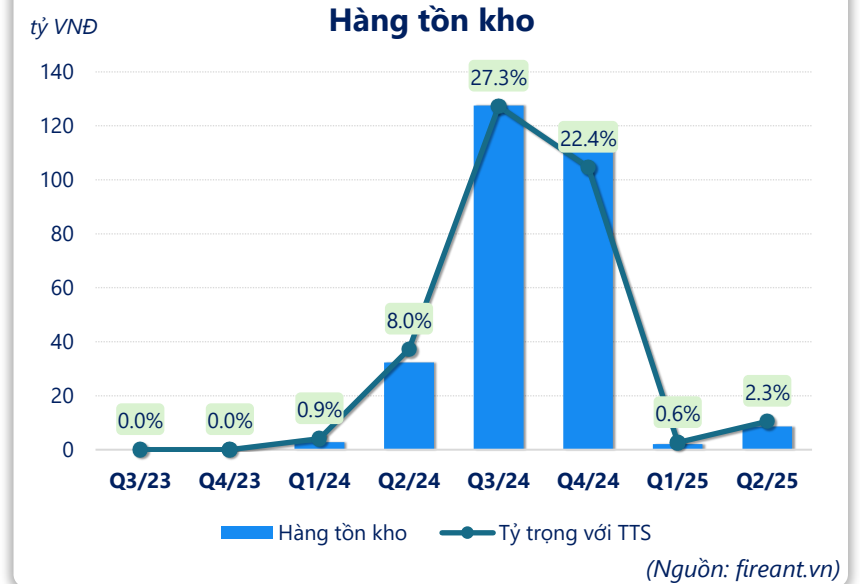
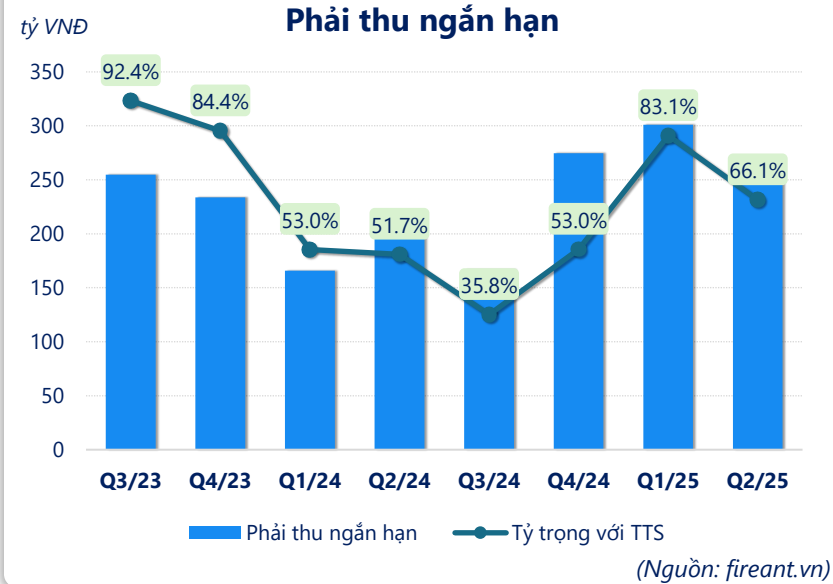
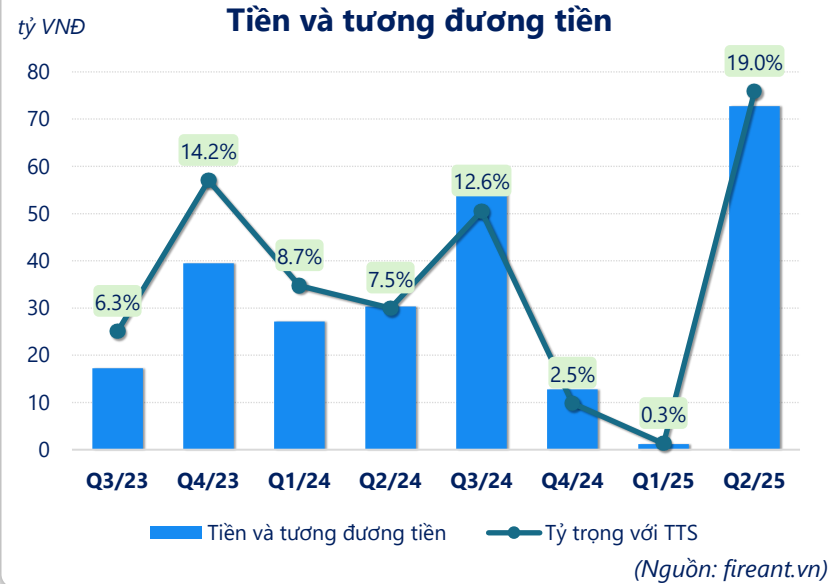
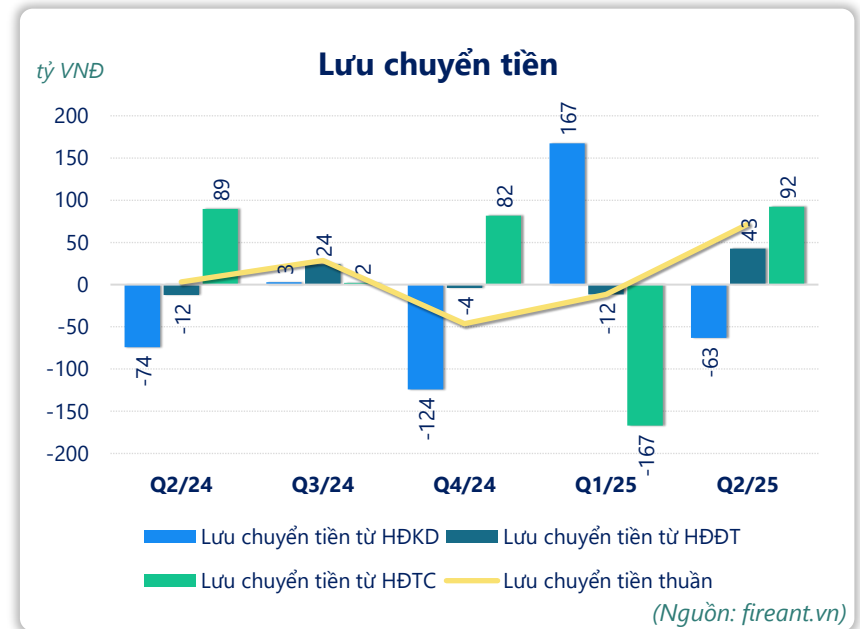
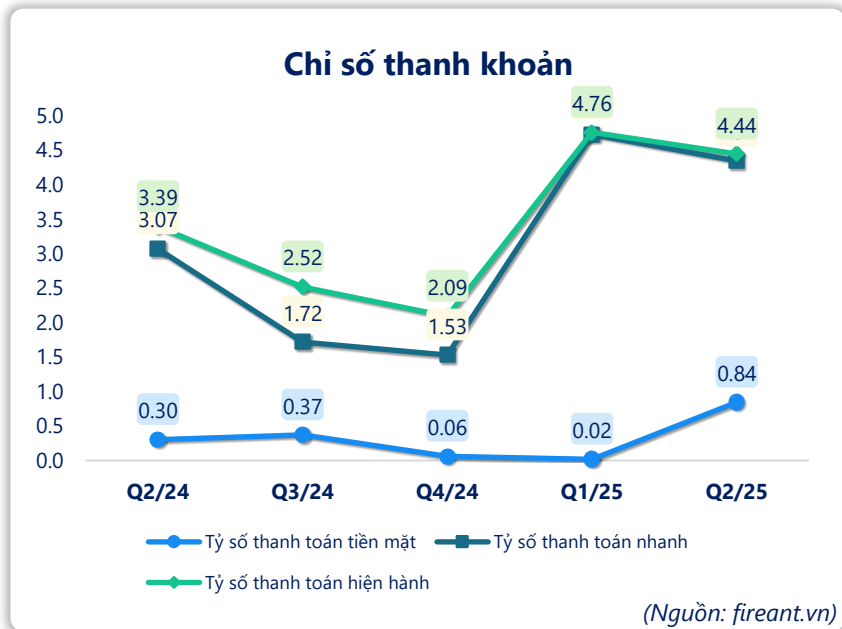
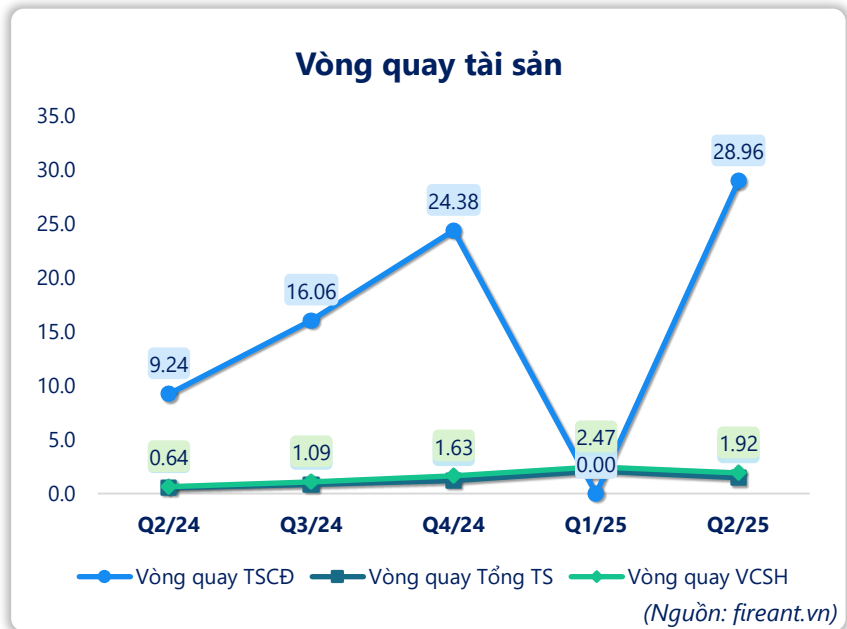
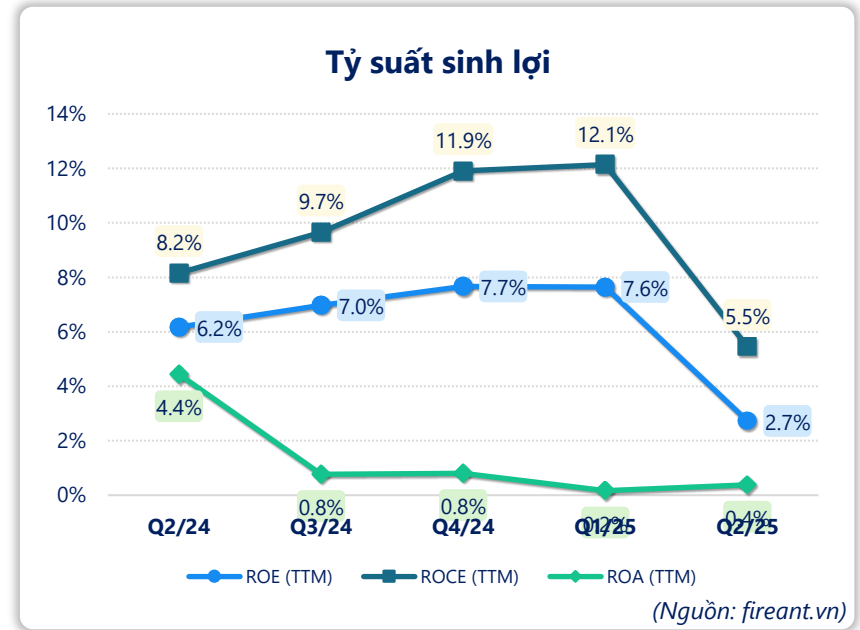
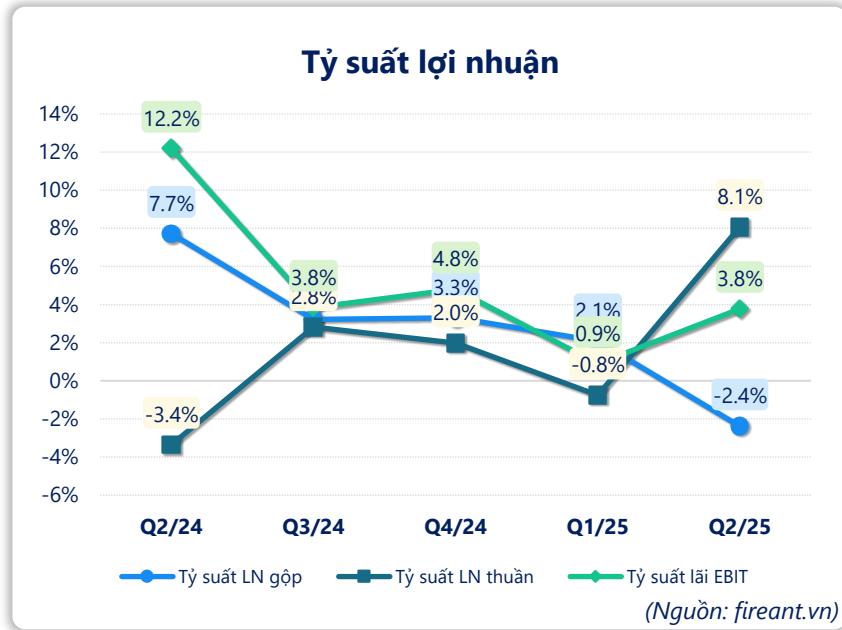
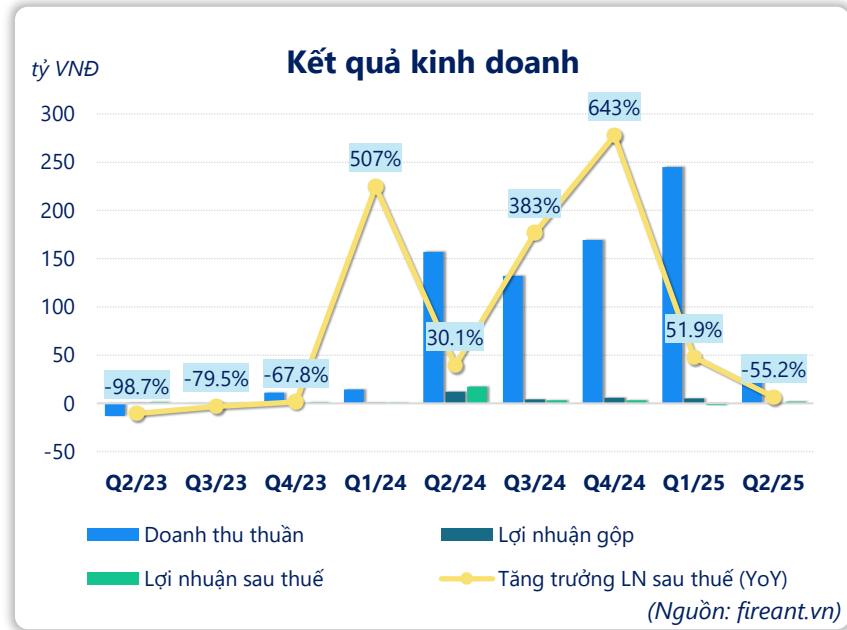


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,780
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,080
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,060
SL cổ phiếu LH		25,720,902
KLGD BQ 20 phiên (CP)		349,360
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		174
P/E		21.4
EPS		317

	YTD	1T	3T	6T
ST8	-2.2%	4.3%	-9.6%	-4.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	383	518	-25.9%
Tài sản ngắn hạn	383	433	-11.6%
Tiền và tương đương tiền	72.7	12.8	470%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.4	25.1	88.9%
Phải thu ngắn hạn	254	275	-7.7%
Hàng tồn kho	8.64	116	-92.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	4.18	-95.1%
Tài sản dài hạn	0.87	85.0	-99.0%
Phải thu dài hạn	0.15	0.11	32.7%
Tài sản cố định	0.10	38.8	-99.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.60	1.64	-63.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	44.1	-100%
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.35	-93.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	86.1	211	-59.1%
Nợ ngắn hạn	86.1	207	-58.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	172	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	79.5	23.0	245%
Nợ dài hạn	0	3.60	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.20	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	297	307	-3.2%
Vốn chủ sở hữu	297	307	-3.2%
Vốn điều lệ	257	257	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	157	132	169	245	27.2
Giá vốn hàng bán	145	128	164	240	27.9
Lợi nhuận gộp	12.1	4.26	5.61	5.10	-0.65
Doanh thu HĐTC	-16.9	5.17	3.37	6.17	4.91
Chi phí TC	-3.24	1.52	4.98	11.0	0.70
Chi phí lãi vay	1.08	1.34	3.07	4.06	-1.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.63	0.21	0.42	0.54	-0.02
Chi phí QLDN	2.06	3.98	0.24	1.57	1.39
LN thuần từ HĐKD	-5.27	3.72	3.34	-1.87	2.20
Lợi nhuận khác	23.3	0.01	1.71	0.00	0.00
LN trước thuế	18.1	3.73	5.05	-1.87	2.20
Lợi nhuận sau thuế	17.2	3.16	3.03	-1.96	1.81
LNST của CĐ cty mẹ	15.1	2.88	3.21	0.56	1.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.0	2.68	-124	167	-63.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.3	23.9	-4.03	-11.7	42.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	89.5	2.11	81.8	-167	92.3
Tiền đầu kỳ	27.2	30.3	59.1	12.8	1.17
Lưu chuyển tiền thuần	3.16	28.7	-46.3	-11.6	71.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.3	59.1	12.8	1.17	72.7

(Nguồn: fireant.vn)